

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Trương Thanh Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022; về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào khoảng năm 1993, không nhớ ngày tháng, không có đăng ký kết hôn, vì nghèo khổ, lo làm ăn và không biết quy định pháp luật phải đăng ký kết hôn. Hôn nhân do quen biết trước hơn 01 năm.

Sau khi cưới chị và anh T ở chung nhà cha mẹ ruột chị đến năm 2000 thì vợ chồng cất nhà ở riêng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là vợ chồng làm ăn không được, tiền bạc túng thiếu, anh T lăng nhăng với người khác rồi nói cho chị biết và chị cũng không còn tình cảm với anh T nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau hàn gắn tình cảm, anh T có kêu chị về chung sống nhưng chị không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T chung sống có 05 con chung, trong đó con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 04/5/1994, Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/7/1996, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/9/1998, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 10/02/2000 đã trưởng thành và con chung Thị M, Văn C, Cẩm T thì đã có gia đình riêng và có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/9/2004 hiện đang sống cùng với chị gái tên Nguyễn Thị M và đang đi làm tại tỉnh Bình Dương, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Hồng M và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Lý do, con chung Hồng M không sống chung cùng chị, vì con chung Hồng M và con chung Thị M làm chung công ty nên ở cùng nhau còn chị làm chỗ khác.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là nền nhà và căn nhà cấp 4, có diện tích chiều ngang 05m x chiều 16m, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn T. Hiện căn nhà do vợ chồng cùng quản lý, sử dụng. Chị thống nhất giao toàn bộ nhà và nền nhà cho anh T và con chung là Nguyễn Văn C sở hữu, chị không yêu cầu chia tài sản chung, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án, vì nhà và nền nhà chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị T trình bày: Sau khi chị nộp đơn khởi kiện xin ly với anh T thì được biết anh T đã bán nhà cho bà Út S, không rõ họ tên năm sinh, với giá 800.000.000đ, tiền bán nhà anh T không có chia cho chị. Nay chị không yêu cầu anh T chia tiền bán nhà, thống nhất giao cho anh T và con chung sở hữu, chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì chị và anh T đã tự thỏa thuận xong. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung: Chị và anh T chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành thông đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022 người làm chứng anh Nguyễn Văn N, trình bày: Anh là em bà con với anh T, nhà anh T nằm sau hè nhà anh. Anh không có mâu thuẫn gì với anh T. Không rõ vợ chồng anh T cưới nhau khi nào, vợ chồng anh T đã có mâu thuẫn, không còn sống chung nguyên nhân do anh T đi làm ở Bình Dương, chị T có tình cảm với người đàn ông khác anh T biết được nên cự cãi và không còn sống chung. Anh T hiện hộ khẩu vẫn còn ở khóm 1, thị trấn T. Vợ chồng anh T chung sống có 05 con chung hiện 04 con chung đã lớn có gia đình riêng, riêng đứa nhỏ Nguyễn Thị Hồng M chưa có gia đình. Hồng M đi làm ở chung với các chị trên Bình Dương. Về tài sản chung của vợ chồng anh T thì không còn. Còn về nợ chung thì anh không rõ. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T, vì chị T, anh T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Giao con chung Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/9/2004 cho chị T nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và anh T hiện đang cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1993 và theo xác nhận ngày 07/02/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn T thì chị T, anh T chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị T cho rằng chị và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là làm ăn không được, tiền bạc túng thiếu, anh T lăng nhăng với người phụ nữ khác và chị không còn tình cảm với anh T nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T, anh T là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị T, anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì quan hệ hôn nhân không hợp pháp,

việc kết hôn không có giá trị pháp lý nhưng chị T yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Đối với 04 con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 04/5/1994, Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/7/1996, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/9/1998, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 10/02/2000 đã trưởng thành và đã có gia đình riêng và có khả năng lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với con chung Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/9/2004 chị T yêu cầu được nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung Hồng M có nguyện vọng được sinh sống cùng chị T nghĩ nên tiếp tục giao con chung Hồng M cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh T đã tự thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện HN có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003825 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 04/5/1994, Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/7/1996, Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/9/1998, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 10/02/2000 đã trưởng thành và đã có gia đình riêng và có khả năng lao động sinh sống.

2.2 Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/9/2004.

2.3 Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003825 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung